

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/DS-ST  
Ngày 10-5-2018  
V/v tranh chấp dân sự, bồi thường  
thiệt hại do tài sản bị xâm phạm

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Toán.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Quốc Trí;

Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Văn Phiêu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10/5/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2018, về việc Tranh chấp dân sự, bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị T1, sinh năm 1962; địa chỉ: Ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn T2, sinh năm 1983 (Có mặt); Chị Phạm Mỹ N, sinh năm 1983 (Có mặt); Hộ khẩu thường trú tại: Ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp; Tạm trú tại: Ấp 4, xã 5, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Cháu Lê Thái D, sinh ngày 10/5/2005, địa chỉ: Ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

- *Người giám hộ cho cháu Lê Thái D:* Anh Lê Văn T2, sinh năm 1983; Chị Phạm Mỹ N, sinh năm 1983, Hộ khẩu thường trú tại: Ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp; Tạm trú tại: Ấp 4, xã 5, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 09/01/2018, Biên bản hòa giải ngày 22/3/2018, các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phan Thị T1 trình bày:

Vào sáng ngày 02/10/2017 bà đưa cháu đi học, khi về nhà thì phát hiện có người đột nhập vào nhà trộm cắp tài sản, bà trình báo đến Công an xã 2, sau khi Công an xã làm việc thì phát hiện cháu Lê Thái D là con của anh Lê Văn T2 và chị Phạm Mỹ N vào nhà lấy tài sản gồm: 1.100.000đ tiền mặt và 20 thẻ điện thoại trị giá khoảng 1.000.000đ, nhưng Công an xã 2 chỉ thu hồi được 1.100.000đ và đã giao lại cho bà.

Trước đây bà cũng bị mất tài sản nhiều lần, khi Công an xã 2 làm việc với cháu D và anh T2, cháu D khai tại Công an xã 2, cháu có lấy tài sản của bà nhiều lần, tổng cộng là 11.000.000đ.

Nay bà yêu cầu anh Lê Văn T2 và chị Phạm Mỹ N là cha mẹ của cháu D phải bồi thường cho bà số tiền 11.000.000đ.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 16 và ngày 19 tháng 3 năm 2018 bị đơn anh Lê Văn T2 và chị Phạm Thị N trình bày:

Cháu Lê Thái D là con, lúc đầu anh, chị không biết cháu D lấy tài sản của bà T1, khi Công an xã 2 mời đến làm việc mới biết việc cháu D lấy tài sản của bà T1 là 1.100.000đ, cháu D không lấy card điện thoại của bà T1.

Khi làm việc với Công an xã 2 lúc đầu bà T1 khai mất 18.000.000đ, lần thứ hai bà T1 khai tại Tư pháp xã bà bị mất tài sản là 12.000.000đ, đơn khởi kiện bà T1 khai mất 11.000.000đ.

Tại phiên tòa anh T2 và chị N có ý kiến: Anh, chị là cha mẹ cháu D, tại Công an xã 2, cháu D trình bày các lần trước cháu lấy tài sản của bà T1 tổng cộng là 4.910.000đ có sự chứng kiến của anh T2 là cha cháu D, nên anh, chị thống nhất trả cho bà T1 số tiền này, ngoài ra không có ý kiến gì khác.

Tại Phiên tòa, có sự chứng kiến của anh T2 và chị N cháu D trình bày: Hiện nay cháu đã nghỉ học, năm 2017 cháu có lấy tài sản của bà T1 ba lần, nhưng không nhớ ngày tháng; Lần thứ ba cháu lấy 1.100.000đ, Công an xã 2 đã thu hồi trả cho bà T1. Hai lần trước tại Công an xã 2 cháu khai cháu lấy của bà T1 tổng cộng là 4.910.000đ, lời khai của cháu có sự chứng kiến của cha cháu là Lê Văn T2, nay cháu đồng ý cùng với cha mẹ trả cho bà T1 số tiền này.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình phát biểu ý kiến:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng dân sự đều chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và yêu cầu của các đương sự tại phiên tòa và qua tranh luận tại phiên tòa đã có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn đối

với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của anh T2, chị N và cháu D. Anh T2, chị N và cháu D phải bồi thường thiệt hại cho bà T1 số tiền là 4.910.000đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu của các đương tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện ngày 09/01/2018 nguyên đơn khởi kiện bị đơn để đòi bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền là 11.000.000đ, Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình thụ lý vụ án Tranh chấp dân sự Bồi thường thiệt hại về tài sản là phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Giữa nguyên đơn, bị đơn, và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thống nhất cháu Lê Thái D là con của anh Lê Văn T2 và chị Phạm Mỹ N, các bên thống nhất vào ngày 02/10/2017 cháu D có vào nhà bà T1 lấy tài sản, tài sản mà cháu D lấy của bà T1 Công an xã 2 đã thu hồi và giao trả cho bà T1, tuy nhiên các bên trình bày bổ xung như sau:

[2.2] Bà T1 trình bày: Tại Công an xã 2 cháu D thừa nhận, cháu lấy tài sản của bà trị giá 11.000.000đ, nên yêu cầu anh T2, chị N và cháu D phải trả số tiền này;

[2.3] Tại phiên tòa anh T2, chị N và cháu D trình bày: cháu D có lấy tài sản của bà T1 ba lần, lần thứ ba Công an xã 2 đã thu hồi giao trả cho bà T1. Hai lần trước, tại Công an xã 2 cháu khai có sự chứng kiến của anh T2 là cha, cháu thừa nhận có lấy tài sản của bà T1 trị giá là 4.910.000đ, nên đồng ý trả lại bà tiền số tiền này;

[2.4] Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào Biên bản ghi lời khai ngày 02/10/2017 của Công an xã 2 đối với cháu D, có sự chứng kiến của anh Lê Văn T2 là người giám hộ của cháu D, đã xác định cháu Lê Thái D có lấy tài sản của bà T1 ba lần, hai lần trước số tài sản là 4.910.000đ, lần thứ ba vào ngày 02/10/2017 cháu D lấy của bà T1 1.100.000đ (Bà T1 đã nhận lại), nên việc buộc cháu D và anh T2, chị N là cha mẹ phải bồi thường thiệt hại cho bà T1 số tiền nêu trên là phù hợp với Điều 184, khoản 2 Điều 586 của Bộ luật dân sự;

[2.5] Đối với yêu cầu của bà T1, yêu cầu anh T2 và chị N phải bồi thường thiệt hại số tiền 11.000.000đ là không có cơ sở, nên được chấp nhận một phần yêu cầu;

[3] Đối với anh Lê Văn M và chị Nguyễn Thị Kim T3 là người có liên quan trong vụ án, do anh M và chị T3 có đơn từ chối tham gia tố tụng, xét đơn từ chối tham gia tố tụng của anh chị là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[4] Về tiền án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 6 Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 184, khoản 2 Điều 586 Bộ luật dân sự năm; khoảng 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Phan Thị T1 đối với anh Lê Văn T2, chị Phạm Mỹ N và cháu Lê Thái D về việc đòi bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền là 4.910.000đ; Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Phan Thị T1 đối với anh Lê Văn T2, chị Phạm Mỹ N và cháu Lê Thái D về việc đòi bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền là 6.090.000đ

Buộc anh Lê Văn T2, chị Phạm Mỹ N và cháu Lê Thái D phải bồi thường thiệt hại cho bà Phan Thị T1 số tiền là 4.910.000đ (Bốn triệu chín trăm mười nghìn đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, bà T1 có đơn yêu cầu thi hành án mà anh T2, chị N và cháu D chưa thi hành xong số tiền trên, thì phải chịu lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố vào từng thời điểm thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

#### **3. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Bà Phan Thị T1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 304.500đ (ba trăm không bốn nghìn năm trăm đồng), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 02423 ngày 10/01/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thanh Bình, bà T1 còn phải nộp thêm 4.500đ (Bốn nghìn năm trăm đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thanh Bình;

Anh Lê Văn T2 và chị Phạm Mỹ N, cháu Lê Thái D chịu trách nhiệm liên đới phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 245.500đ, nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thanh Bình;

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Phòng GD-KT TA Tỉnh ĐT;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THA huyện TB;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
Đã ký**

**Bùi văn Toán**